

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN THÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tân Thái, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của UBND xã Tân Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thái về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Tân Thái năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Tân Thái (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã Tân Thái, công chức Tài chính - Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Hà

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của UBND xã Tân Thái)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thái về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Tân Thái năm 2022;

UBND xã Tân Thái thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách năm 2022 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 116/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 8.169.587.186 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 80.335.750 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 237.102.139 đồng

+ Thu bổ sung: 7.366.356.300 đồng

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 10.935.804 đồng

+ Thu chuyển nguồn: 474.857.193 đồng

- Tổng số chi: 8.092.405.924 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 2.123.818.400 đồng

+ Chi thường xuyên: 5.038.975.431 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 879.612.093 đồng

- Kết dư ngân sách: 77.181.262 đồng

2. Quyết toán thu ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 117/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã năm 2022: 8.169.587.186 đồng đạt 164,25% dự toán giao, tăng 40,10% so với cùng kỳ năm trước. Thu cân đối trên địa bàn xã năm 2022 thực hiện là: 317.437.889 đồng đạt 175,38% so với dự toán HĐND xã giao. Thu cân đối ngân sách năm 2022 tăng so với dự toán đầu năm.

3. Quyết toán chi ngân sách xã năm 2022 (đính kèm biểu số 118/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã năm 2022 là: 8.092.405.924 đồng, đạt 162,70% kế hoạch và bằng 181,72% so với quyết toán năm 2021.

4. Quyết toán chi đầu tư phát triển năm 2022 (đính kèm biểu số 119/CKTC-NSNN)

Tổng chi đầu tư XD CB năm 2022: 2.123.818.400 đồng

Trong đó: - Nguồn CT MTQG xây dựng nông thôn mới: 113.300.000 đồng

- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 1.446.700.000 đồng

- Nguồn ngân sách tỉnh: 33.818.400 đồng

- Nguồn ngân sách huyện: 30.000.000 đồng

- Nguồn tài trợ: 500.000.000 đồng

5. Thực hiện thu, chi các hoạt động tài chính khác năm 2022 (đính kèm biểu số 120/CKTC-NSNN)

- Số dư từ năm 2021 chuyển sang 2022: 68.622.579 đồng

- Tổng thu quỹ công chuyên dùng năm 2022: 144.505.000 đồng

- Tổng chi quỹ công chuyên dùng năm 2022: 183.461.920 đồng

6. Đánh giá về tình hình thực hiện quyết toán thu, chi ngân sách năm 2022

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã năm 2022 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách năm 2022 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng./.

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	8.169.587.186	TỔNG SỐ CHI	8.092.405.924
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	80.335.750	I. Chi đầu tư phát triển	2.123.818.400
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	237.102.139	II. Chi thường xuyên	5.038.975.431
III. Thu bổ sung	7.366.356.300	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	879.612.093
- Bổ sung cân đối	4.462.887.000		
- Bổ sung có mục tiêu	2.903.469.300		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	10.935.804	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	50.000.000
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	474.857.193		
Kết dư ngân sách	77.181.262		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.973.861.000	4.973.861.000	8.169.587.186	8.169.587.186	164,25	164,25
I	Các khoản thu 100%	71.000.000	71.000.000	91.271.554	91.271.554	128,55	128,55
	Phí, lệ phí	21.000.000	21.000.000	24.060.500	24.060.500	114,57	114,57
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu kết dư ngân sách năm trước			10.935.804	10.935.804		
	Thu khác	50.000.000	50.000.000	56.275.250	56.275.250	112,55	112,55
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	110.000.000	110.000.000	237.102.139	237.102.139	215,55	215,55
1	Các khoản thu phân chia	50.000.000	50.000.000	99.036.433	99.036.433	198,07	198,07
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	50.000.000	99.036.433	99.036.433	198,07	198,07
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	60.000.000	60.000.000	138.065.706	138.065.706	230,11	230,11
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS						
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh						
	- Thuế giá trị gia tăng	60.000.000	60.000.000	138.065.706	138.065.706	230,11	230,11
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

IV	Thu chuyển nguồn	329.974.000	329.974.000	474.857.193	474.857.193		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.462.887.000	4.462.887.000	7.366.356.300	7.366.356.300	165,06	165,06
	- Thu bổ sung cân đối	4.462.887.000	4.462.887.000	4.462.887.000	4.462.887.000	100,00	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	2.903.469.300	2.903.469.300		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.973.861.000		4.973.861.000	8.092.405.924	2.123.818.400	5.968.587.524	162,70		120,0
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	48.000.000		48.000.000	48.276.000		48.276.000	100,58		100,58
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	15.916.900		15.916.900	45,48		45,48
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0		0			
6	Chi thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000	5.964.000		5.964.000	23,86		23,86
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	0		0			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.242.591.000		4.242.591.000	7.010.506.931	2.123.818.400	4.886.688.531	165,24		115,18
10	Chi cho công tác xã hội	81.000.000		81.000.000	76.200.000		76.200.000	94,07		94,07
11	Chi khác	20.000.000		20.000.000	55.930.000		55.930.000	279,65		279,65
12	Dự phòng	90.000.000		90.000.000						
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0		0	879.612.093		879.612.093			
14	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	67.296.000		67.296.000						
14	Nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	329.974.0000		329.974.0000						

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**Đơn vị: đồng*

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán, quyết toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		7.487.865.195		1.894.066.400	2.123.818.400	2.123.818.400	2.123.818.400	
1. Trường Tiểu học Tân Thái. HM: Sửa chữa nha lớp học 2 tầng 8 phòng	01/11/2021-01/01/2022	538.021.235		200.000.000	311.000.000	311.000.000	311.000.000	
2. Nâng cấp, mở rộng đường vào khu quy hoạch dân cư xóm Tân Lập xã Tân Thái	16/08/2018-10/01/2019	808.081.995		730.849.400	20.100.000	20.100.000	20.100.000	
3. Sửa chữa cổng, hàng rào, sân bê tông, hệ thống mái che trạm y tế xã Tân Thái huyện Đại Từ	25/04/2020-21/09/2020	1.127.627.897		963.217.000	53.200.000	53.200.000	53.200.000	
4. Nâng cấp sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở UBND xã Tân Thái	06/06/2022-04/10/2022	1.210.783.253			900.000.000	900.000.000	900.000.000	
5. Mở rộng khuôn viên và xây dựng nhà văn hóa xóm Yên Thái xã Tân Thái	04/11/2022-02/02/2023	698.199.944			530.000.000	530.000.000	530.000.000	
6. Đường GTNT xã Tân Thái năm 2022 (gói 1). HM: Đường BTXM xóm Đồng Đăng, Suối Cái	01/09/2022-31/12/2022	93.066.833			33.818.400	33.818.400	33.818.400	
7. Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu tái định cư xã Tân Thái huyện Đại Từ	01/01/2022-31/12/2023	278.077.956			85.000.000	85.000.000	85.000.000	
8. Quy hoạch chi tiết nghĩa trang Gốc Mít xã Tân Thái huyện Đại Từ	01/01/2022-31/12/2023	435.229.923			150.700.000	150.700.000	150.700.000	
9. Xây dựng, mở rộng sân tập trường TH&THCS Tân Thái	19/12/2022-17/05/2023	2.298.776.159			40.000.000	40.000.000	40.000.000	

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 0 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ				168.158.572	218.570.394	
1. Các quỹ công chuyên dùng				144.505.000	183.461.920	
- Quỹ Nhân đạo				10.295.000	15.900.000	
- Quỹ bảo trợ trẻ em				10.310.000	10.100.000	
- Quỹ Khuyến học				10.095.000	10.120.000	
- Quỹ vì người nghèo				85.269.000	101.839.000	
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa				10.295.000	10.236.920	
- Quỹ người cao tuổi				10.310.000	10.070.000	
- Quỹ Phòng chống thiên tai				7.706.000	7.706.000	
- Ủng hộ Đại hội TDTT				0	17.490.000	
2. Thu hộ						
3. Chi hộ				23.653.572	35.108.474	
- Hỗ trợ lập danh sách tăng giảm thẻ BHYT				23.653.572	35.108.474	
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi